TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 166/2024/HNGĐ-ST
Ngày 11 tháng 7 năm 2024
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Mỹ Linh
Bà Nguyễn Thị Ngọc Điệp

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Xuân Thuỳ Dương – Là thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thông Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024, Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 627/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 01 năm 2023 về việc yêu cầu xin ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Anh Lương Thế L; Sinh năm: 1988;

Địa chỉ cư trú: Số , đường Hồ Văn H, phường , quận Phú Nh, thành phố Hồ Chí Minh;

* *Bị đơn*: Chị Đỗ Bửu Ng; Sinh năm: 1988;

Địa chỉ cư trú: Số , đường Nguyễn Tất Th, khóm 8, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau;

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

1/Ngân hàng TMCP NgoạiThương Việt Nam.

Trụ Sở: Số , đường Trần Quang Kh, phường Lý Thái T, Quận Hoàn K, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Số , Công Trường Mê L, phường Bến Ng, quận , thành phố Hồ Chí M.

2/Ông Quách Đông Ng và bà Quách Kim S.

Cùng địa chỉ cư trú: Số , đường Nguyễn Đình Ch, phường , quận Phú Nh, thành phố Hồ Chí M.

3/ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 19.

Địa chỉ cư trú: Số , đường Nguyễn T, phường Nguyễn Cư T, quận , thành phố Hồ Chí Minh.

4/Bà Nguyễn Bích Th, sinh năm 1964;

Địa chỉ cư trú: Số , Nguyễn Tất Th, khóm , phường , thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Tại phiên toà anh L, chị Ng có mặt, bà T, bà Th, ông Ng, bà S xin vắng mặt, còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Nguyên đơn anh Lương Thế L trình bày tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết như sau:*

- Anh Lương Thế L sống chung với chị Đỗ Bửu N vào năm 2015, sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Cư Th, quận , thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 28/7/2015. Quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, vợ chồng không sống chung từ tháng 8/2022 cho đến nay. Mặc dù, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành. Nay xét thấy tình cảm không còn nên anh L xin ly hôn với với chị Ng.

- Về con chung: Có 02 người con chung cháu Lương Đức V, sinh ngày 23/12/2017; cháu Lương Đức Kim N, sinh ngày 23/12/2017. Hiện 02 cháu đang sống cùng với mẹ. Khi ly hôn anh L yêu cầu cháu Lương Đức V, sinh ngày 23/12/2017, không cấp dưỡng, giao cháu Lương Đức Kim N, sinh ngày 23/12/2017 cho chị Ng nuôi, không cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Quyền sử dụng đất và sở hữu nhà ở tọa lạc số nhà 55/9A, đường Hồ Văn H, phường , quận Phú Nh, thành phố Hồ Chí Minh trị giá 9.000.000.000 đồng (chín tỷ). Khi ly hôn anh L yêu cầu chia đôi, chị N nhận giá trị 4.500.000.000 đồng. Tại phiên toà anh L yêu cầu chia đôi theo chứng thư thẩm định giá mỗi người được nhận bằng 4.254.000.000 đồng.

- Nợ chung: Nợ Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt N – Chi nhánh thành phố Hồ Chí số tiền 476.000.000 đồng. Tại đơn khởi kiện anh L nh toán nợ. Quá trình hoà giải tại phiên toà anh L yêu cầu chia đôi nợ.

** Chị Đỗ Bửu Ng trình bày:*

- Về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như anh L trình bày về mâu thuẫn vợ chồng và thời gian không sống chung đúng như anh L trình bày.

Nguyên nhân do anh L có người phụ nữ khác ở bên ngoài. Khoảng 14/02/2022 anh L dọn ra ở riêng nhưng vẫn còn ở chung nhà. Đến tháng 8/2022 chị Ng về nhà mẹ ruột ở cho đến nay. Nay anh L yêu cầu ly hôn thì chị đồng ý ly hôn với anh L.

- Về con chung: Có 02 người con chung cháu Lương Đức V, sinh ngày 23/12/2017, cháu Lương Đức Kim N, sinh ngày 23/12/2017. Hiện 02 cháu đang ở chung với mẹ. Khi ly hôn chị N yêu cầu nuôi 02 cháu, yêu cầu anh L cấp dưỡng mỗi tháng 6.000.000 đồng/02 cháu.

- Về tài sản chung: Quyền sử dụng đất và sở hữu nhà ở tọa lạc số nhà 55/9A, đường Hồ Văn H, phường , quận Phú Nh, thành phố Hồ Chí Minh trị giá 9.000.000.000 đồng (chín tỷ). Chị Ng không đồng ý chia đôi, do chị góp tiền nhiều hơn nên chị Ng yêu cầu nhận 56,4% giá trị, anh L nhận 43,6% giá trị. Chị yêu cầu nhận giá trị, anh nhận nhà.

- Nợ chung: Nợ Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh thành phố Hồ Chí M số tiền 476.000.000 đồng. Chị N cho rằng nợ này do ông L vay năm 2016 của Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt N để mua phần đất nền dự án khu dân cư Phú Th - Long T và có yêu cầu chị ký vay khoản nợ bằng 930.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền vay anh Lo sử dụng riêng không sử dụng chung gia đình.

Số nợ trên do anh L khai nợ Ngân hàng còn lại 476.000.000 đồng, nợ do anh L vay sử dụng riêng, anh L phải có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng.

**Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tp HCM trình bày ngày 04/3/2024:*

Ngân hàng có nhận được công văn số 122/TA ngày 20/02/2024 của Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Xác định dư nợ gốc bằng 476.000.000 đồng, lãi bằng 1.429.322 đồng, thời hạn vay 240 tháng. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là Quyền sử dụng đất và nhà ở tại địa chỉ số 55/9A Hồ Văn H, phường , quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra Ngân hàng không yêu cầu độc lập trong vụ án và không có ý kiến trình bày nào khác.

** Bà Nguyễn Thị T trình bày tại văn bản ngày 24/6/2024 như sau:*

Bà có hỗ trợ mua nhà và đất cho 02 vợ, chồng anh Lương Thế L và chị Đỗ Bửu N số tiền 2.000.000.000 đồng. Bà xác định đã cho con nên không còn liên quan đến tài sản cho tặng trên. Bà xin từ chối hoà giải và xét xử vắng mặt.

**Bà Nguyễn Bích Th trình bày ngày 24/6/2024 như sau:*

Bà xác định đã cho chị Đỗ Bửu N số tiền 2.500.000.000 đồng; hình thức chuyển khoản cho anh Lương Thế L mục đích để cho con mua nhà ở.

Do bà đã tặng cho con gái nên bà không yêu cầu gì trong vụ án. Do công việc nên bà xin vắng mặt tại Toà án.

**Bà Quách Kim S, ông Quách Đông Ng trình bày tại biên bản ghi ý kiến như sau:*

Chị Quách Kim S có chuyển nhượng cho anh L và chị N phần nhà và đất tại chỉ số 55/9A, đường Hồ Văn H, phường , quận Phú Nh, thành phố Hồ Chí Minh; do đã lâu nên không nhớ giá chuyển nhượng là bao nhiêu, khi chuyển nhượng ông Quách Đông Ng là người trực tiếp đi làm thủ tục sang tên, việc chuyển nhượng

phía anh L, chị N đã được đứng tên và sử dụng phần nhà và đất vào ngày 15/5/2015. Ông, bà xác định không còn liên quan trong vụ án nên xin vắng mặt tại Toà án.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau phát biểu ý kiến như sau:*

Về việc chấp hành pháp luật trong tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ được quy định trong pháp luật trong tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp: Được xác định là ly hôn.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa anh Lương Thế L và bà Đỗ Bửu N.

Về con chung: Giao 02 người con chung cháu Lương Đức V, sinh ngày 23/12/2017, cháu Lương Đức Kim N, sinh ngày 23/12/2017 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh cấp dưỡng 02 cháu mỗi tháng 06 triệu đồng cho đến khi cháu tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị N. Giao anh L được nhận căn nhà và đất tọa lạc tại số nhà 55/9A, đường Hồ Văn H, phường , quận Phú Nh, thành phố Hồ Chí Minh. Anh L giao giá trị căn nhà và đất lại cho chị N.

Về nợ riêng: Nợ Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh thành phố Hồ Chí M số tiền 476.000.000 đồng. Nợ riêng anh L có trách nhiệm trả nợ. Khi nào có tranh chấp Ngân hàng có quyền yêu cầu bằng vụ án khác.

Về nợ chung: Không có;

Án phí chị N và anh L phải nộp theo quy định, số tiền định giá và thẩm định các đương sự không đặt ra nên không xem xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp: Về nội dung các đương sự tranh chấp được xác định là ly hôn.

[2] Về hôn nhân: Anh Lương Thế L và chị Đỗ Bửu N có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên mối quan hệ hôn nhân của anh, chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Lời trình bày của anh L, tại phiên tòa do vợ, chồng sống không hợp nhau có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hiện tại anh, chị không còn yêu thương nhau, cả hai không ai quan tâm đến ai, cuộc sống riêng mỗi người tự định đoạt, anh L xác định cũng không còn tình cảm với Chị N. Đồng thời, chị N cũng thống nhất đồng ý ly hôn với anh L.

Xét thấy tình cảm vợ chồng của anh, chị đã không còn, thì không ai có ý thức để xây dựng một gia đình chung cho nhau, nguyên nhân mâu thuẫn trầm

trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có cơ sở chấp nhận lời trình bày và yêu cầu của anh L về việc xin ly hôn với chị Ngọc.

[3] Về con chung: Anh, chị có 02 người con chung cháu Lương Đức V, sinh ngày 23/12/2017, cháu Lương Đức Kim N, sinh ngày 23/12/2017. Hiện 02 cháu đang ở với chị N.

Khi ly hôn anh L yêu cầu nuôi cháu Lương Đức V, sinh ngày 23/12/2017; không cấp dưỡng, giao cháu Lương Đức Kim N, sinh ngày 23/12/2017 cho chị Ngọc nuôi; không cấp dưỡng.

Chị N yêu cầu nuôi 02 cháu, yêu cầu cấp dưỡng mỗi tháng 6.000.000 đồng/02 cháu.

Xét yêu cầu nuôi con của anh, chị hội đồng xét xử thấy rằng: Từ khi sinh 02 cháu chị Ngvà anh L là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu đến tháng 8 năm 2022 thì thị N dẫn 02 cháu về Cà Mau, từ khi chị N dẫn các cháu về Cà Mau sinh sống thì việc chăm sóc các cháu do chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, quá trình 02 cháu sống bên chị Ng thì Lvà gia đình anh L không đến thăm nom, chăm sóc các cháu trong suốt thời gian dài, anh L cho rằng nhiều lý do công việc không đến thăm các cháu được, mặc dù có thông tin liên lạc nhưng anh L cũng không liên lạc để hỏi thăm các cháu. Tại thời điểm chị N dẫn về Cà Mau các cháu đã được 05 tuổi, các cháu đã nhận biết được cha mình, nhưng anh L không kết nối với các con mặt dù tình cảm của anh, chị không còn nhưng anh L vẫn còn có trách nhiệm nuôi dạy con điều này thể hiện được anh L đã thiếu tình yêu thương và nhớ nhung các cháu, nó làm ảnh hưởng trực tiếp đến tâm lý của các cháu rất nhiều. Tính đến tháng 12/2024 thì các cháu mới đủ tuổi để tiến hành ghi ý kiến. Xét thấy hai cháu là cặp sinh đôi trai và gái nên khó có thể tách rời ra được. Cho nên cần xem xét đến tất cả các điều kiện để đảm bảo các cháu có cuộc sống tốt nhất về mặt vật chất lẫn tinh thần. Do chị N là người trực tiếp nuôi con từ nhỏ, các cháu còn rất nhỏ, cho nên rất cần có bàn tay chăm sóc của người mẹ, cần có chổ ở ổn định để đảm bảo sự phát triển tốt nhất đối với các cháu. Mặt khác, chị N có ngành nghề ổn định, nếu giao cho chị N thì vừa tiện lợi trong việc chăm sóc các cháu và kinh doanh để đảm bảo điều kiện kinh tế. Do đó, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển tốt nhất cho các cháu, nên không làm xáo trộn cuộc sống của các cháu; Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị N là có căn cứ.

Xét về yêu cầu của anh L hội đồng xét xử xét thấy, anh L có nơi ở và việc làm ổn định, nhưng việc chăm sóc và tình thương của anh L chưa đủ vững vàng dành các cháu cho nên, việc nuôi con của anh L sẽ không bằng chị N nên không chấp nhận yêu cầu nuôi con đối với anh L là phù hợp.

Trường hợp chi N chăm sóc các cháu không đảm bảo điều kiện chăm sóc nuôi dạy, giáo dục, học hành, vui chơi giải trí thì anh L có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có đầy đủ chứng cứ.

Từ phân tích trên chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị N tiếp tục giao 02 cháu Lương Đức V sinh ngày 23/12/2017, cháu Lương Đức Kim N, sinh ngày 23/12/2017 cho chị Ngọc nuôi.

Tại phiên toà chị N yêu cầu cấp dưỡng mỗi tháng 6.000.000 đồng cho 02 cháu, do anh L có thu nhập có công việc ổn định, đồng thời anh L đồng ý mức cấp dưỡng mỗi tháng 6.000.000 đồng/2 cháu, xét yêu cầu phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận, buộc anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 6.000.000 đồng cho 02 cháu đến khi 02 cháu tròn 18 tuổi.

Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự thống nhất với kết quả định giá của Công ty cổ phần thẩm định giá và đầu tư tài chính H S chi nhánh Hồ Chí Minh quyền sử dụng đất và công trình xây dựng trên đất thuộc thửa số 401, tờ bản đồ số 32, tọa lạc số nhà 55/9A, đường Hồ Văn Huê, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh có giá trị 8.508.000.000 đồng.

Xét nguồn gốc nhà và đất: Anh L và chị N nhận chuyển nhượng của bà Quách Kim S vào năm 2015.

Căn cứ lời trình bày và quá trình thu thập chứng cứ tài sản trên do bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Bích Th cho tiền anh L và chị N để mua nhà và đất, đến ngày 15/5/2015 anh L, chị N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất điều chỉnh trên 4 trên giấy, ngày 28/7/2015 anh, chị được cấp Giấy chứng nhận kết hôn.

Nên xác định tài sản này có trước khi anh, chị kết hôn các bên điều thừa nhận. Phía mẹ anh L và mẹ chị N điều trình bày thống nhất đây là tài sản đã cho anh, chị, khi tặng cho thì phía anh L đã nhận số tiền 2.000.000.000 đồng, phía chị N đã nhận số tiền 2.500.000.000 đồng, tại phiên toà anh L và chị N điều thừa nhận và thống nhất số tiền trên. Do đó đây là căn cứ để giải quyết vụ án xác định là tài sản chung của anh L và chị N.

Quá trình giải quyết anh L yêu cầu chia đôi, chị N yêu cầu chia chị nhận 56,4% giá trị, anh L nhận 43,6% giá trị. Anh L nhận nhà giao lại giá trị cho chị N.

Đối chiếu với tại điểm a, b Khoản 2 Điều 59 của Luật hôn nhận gia đình quy định: “2. Tài sản chung của vợ, chồng được chia đôi nhưng có tính đến các yếu tố sau đây: a, Hoàn cảnh của gia đình và của vợ, chồng; “b, Công sức đóng góp của vợ, chồng vào việc tạo lập, duy trì phát triển khối tài sản chung”...

Xét yêu cầu của anh L là không phù hợp theo quy định, bởi anh L góp tiền vào 2.000.000.000 đồng, chị N góp vào 2.500.000.000 đồng, để mua nhà và đất, theo anh, chị trình bày giá chuyển nhượng bằng 4.500.000.000 đồng, thì anh, chị không góp tiền vào để mua tài sản này. Cho nên xét yêu cầu chia tài sản của chị N là phù hợp tuy nhiên, cần điều chỉnh tỷ lệ của chị Ng góp vào bằng 54%, anh L góp vào 46% là phù hợp.

Do đó chia tỷ lệ anh Lương Thế L sẽ được nhận bằng 3.913.680.000 đồng, chị N được nhận bằng 4.594.320.000 đồng.

Đối với căn nhà và đất là tài sản chung của anh L và chị N, anh L là người yêu cầu nhận tài sản nên giao căn nhà và đất thuộc thửa số 401, tờ bản đồ số 32, tọa lạc số nhà 55/9A, đường Hồ Văn Huê, phường , quận Phú Nh, thành phố Hồ Chí Minh cho anh L quản lý, sử dụng, anh L có nghĩa vụ hoàn lại giá trị cho chị N bằng 4.594.320.000 đồng.

Từ phân tích trên chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của anh L và chị Ng; anh L nhận bằng 3.913.680.000 đồng; anh L nhận nhà giao lại giá trị chị N bằng 4.594.320.000 đồng.

- Ngoài ra, trên căn nhà của anh, chị còn có tài sản bao gồm các vật dụng dùng trong gia đình và đồ trang trí trong nhà là tài sản riêng chị N, chị N có quyền di dời đồ đạc đi nơi khác, anh L thống nhất không tranh chấp (tất cả tài sản theo biên bản xem xét thẩm định ngày 19/4/2024).

[5] Về nợ chung, nợ riêng:

Đối với nợ Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh, số tiền 476.000.000 đồng, anh L cho rằng nợ chung của vợ chồng, nhưng quá trình giải quyết tại đơn khởi kiện anh L xác định nợ Ngân hàng do anh L trả khi chia tài sản với chị N.

Tại phiên xét xử trước kia anh L trình bày đã chuyển nhượng đất để trả số nợ vay tại Ngân hàng, nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán dứt nợ; còn chị N cho rằng anh L mua đất để kinh doanh mục đích riêng của anh L, mặt dù hợp đồng vay trong thời kỳ hôn nhân nhưng tại phiên toà anh L xác định không còn chứng cứ để cung cấp chứng minh là nợ chung của vợ và chồng và anh L xác định nợ do anh L trả theo đơn khởi kiện.

Ngoài chứng cứ hợp đồng tín dụng phía Ngân hàng cung cấp, quá trình giải quyết anh L không cung cấp được chứng cứ là nợ chung của vợ, chồng nên anh L có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng và xác định là nợ riêng của anh L, tuy nhiên trong vụ án Ngân hàng không yêu cầu giải quyết, nên tách phần nợ khi nào tranh chấp Ngân hàng có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[6] Đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá phía nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu đối chiếu quy định tại các Điều 157, 158, 164, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nên không xem xét để hoàn lại.

[7] Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xét quan hệ pháp luật các đương sự tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng, án phí có giá ngạch trên số tiền được nhận 3.913.680.000 đồng. Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền được nhận 4.594.320.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 33; 38; 51; 56; 58; 59; 81; 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 143; 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/20016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Lương Thế L về việc xin ly hôn với chị Đỗ Bửu N.

- Về con chung: Tiếp tục giao 02 người con chung cháu Lương Đức V, sinh ngày 23/12/2017, cháu Lương Đức Kim N, sinh ngày 23/12/2017 cho chị N nuôi.

Anh Lương Thế L cấp dưỡng cho 02 cháu mỗi tháng 6.000.000 đồng, cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực.

Kể từ ngày chị Đỗ Bửu N có đơn yêu cầu, nếu anh Lương Thế L không thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi, theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Anh Lương Thế L không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

2. Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của anh Lương Thế L và chị Đỗ Bửu N.

- Về tài sản chung: Giao toàn bộ căn nhà và đất cho anh Lương Thế L quản lý, sử dụng; thuộc thửa số 401, tờ bản đồ số , tọa lạc số nhà 55/9A, đường Hồ Văn Huê, phường , quận Phú Nh, thành phố Hồ Chí Minh.

Anh L có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà và đất theo quy định.

Buộc anh Lương Thế L có nghĩa vụ giao số tiền bằng 4.594.320.000 đồng. *(Bốn tỷ, năm trăm chín mươi bốn triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng)* là phần giá trị tài sản nhà và đất cho chị Đỗ Bửu N.

- Tài sản riêng của chị Đỗ Bửu N theo biên bản thẩm định ngày 19/4/2024 chị Đỗ Bửu N có quyền di dời các tài sản đi nơi khác.

(Kèm theo biên bản thẩm định ngày 19/4/2024 của Toà án).

- Tách phần nợ riêng của anh Lương Thế L nợ Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tp HCM. Khi nào tranh chấp các bên đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu bằng một vụ án dân sự khác.

Kể từ ngày đương sự có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu đương sự có nghĩa vụ không thanh tóan số tiền trên thì hàng tháng phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Về nợ chung và người khác nợ lại: Không có.

3. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình và chia tài sản chung anh Lương Thế L phải nộp 300.000 đồng. Anh Lương Thế L phải nộp án phí chia tài sản chung bằng 110.274.000 đồng; án phí cấp dưỡng anh L phải nộp 300.000

đồng; anh L đã dự nộp số tiền 56.550.000 đồng, tại lai thu số 0008589, vào ngày 01/11/2023 được đối trừ số tiền anh L còn phải nộp 54.324.000 đồng *(chưa nộp);* Chị N phải nộp án phí chia tài sản chung bằng 112.594.320 đồng (*chưa nộp*).

Anh Lương Thế L và chị Đỗ Bửu N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản bản.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Thắm

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Cà Mau;
- UBND phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ,
- Lưu Toà án Tp Cà Mau